

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1114/QĐ-UBND

Lào Cai, ngày 07 tháng 4 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng**  
**Khu đô thị mới phía Đông thị trấn Bát Xát, huyện Bát Xát**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI**

- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*  
*Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;*  
*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến Quy hoạch ngày 20/11/2018;*  
*Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 7/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;*  
*Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 7/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;*  
*Căn cứ các Quy chuẩn, Tiêu chuẩn Việt Nam hiện hành;*  
*Căn cứ Quyết định số 05/2018/QĐ-UBND ngày 19/3/2018 của UBND tỉnh ban hành Quy định một số nội dung về quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Lào Cai;*  
*Căn cứ Quyết định số 1018a/QĐ-UBND ngày 09/4/2018 của UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch chung mở rộng thị trấn Bát Xát, huyện Bát Xát;*  
*Căn cứ Quyết định số 2452/QĐ-UBND ngày 30/7/2020 của UBND tỉnh phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu đô thị mới phía Đông thị trấn Bát Xát, huyện Bát Xát;*  
*Căn cứ Thông báo số 339/TB-VPUBND ngày 17/12/2020 của Văn phòng UBND tỉnh Kết luận của Thường trực UBND tỉnh tại cuộc họp xét duyệt quy hoạch, dự án đầu tư ngày 15/12/2020;*  
*Theo đề nghị của Sở Giao thông vận tải - Xây dựng tại Tờ trình số 180/TTr-SGTVTXD ngày 16/3/2021.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu đô thị mới phía Đông thị trấn Bát Xát, huyện Bát Xát với nội dung sau:

## 1. Vị trí, ranh giới lập quy hoạch

a) *Vị trí*: Thuộc tổ 8, thị trấn Bát Xát, huyện Bát Xát.

b) *Ranh giới quy hoạch được xác định*:

- Phía Đông giáp đường D14;
- Phía Tây giáp đường D9;
- Phía Nam giáp đường tỉnh lộ 156B;
- Phía Bắc giáp đường Hoàng Liên.

**2. Quy mô quy hoạch:** Tổng diện tích lập quy hoạch chi tiết 18,71 ha.

## 3. Tính chất khu vực lập quy hoạch

Hình thành một khu đô thị mới với định hướng phát triển đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và các tiện ích đô thị tạo lập cuộc sống cho người dân đô thị có chỉ số tiện nghi cao, không gian kiến trúc ảnh quan đẹp. Tận dụng, khai thác hiệu quả nguồn lực từ đất, từ cảnh quan thiên nhiên và từ lợi thế về vị trí làm động lực phát triển đô thị.

## 4. Quy hoạch sử dụng đất

Quy hoạch sử dụng đất khu quy hoạch với tổng diện tích 18,71ha, quy mô dân số dự kiến khoảng 1.800 người, được xác định cụ thể như sau:

a) *Đất công cộng*: Gồm 01 lô đất văn hóa - thể dục thể thao (ký hiệu VH-TDĐT), diện tích: 6.779,29m<sup>2</sup>; mật độ xây dựng tối đa: 40%; chiều cao xây dựng tối đa: 9,0m (tương đương 02 tầng).

b) *Đất giáo dục*: Gồm 01 lô đất trường mầm non (ký hiệu GD), diện tích: 6.784,86m<sup>2</sup>; mật độ xây dựng tối đa: 40%; chiều cao xây dựng tối đa: 12,5m (tương đương 3 tầng).

c) *Đất hỗn hợp*: Gồm 01 lô đất (ký hiệu HH), diện tích 18.698,90m<sup>2</sup>, Mục đích xây dựng công trình hỗn hợp thương mại, dịch vụ, cao tầng; Mật độ xây dựng tối đa 46%, chiều cao công trình tối đa 40,0m.

d) *Đất ở*:

- Đất ở dân cư hiện trạng: Gồm 04 lô đất (ký hiệu từ HT01 đến HT04), tổng diện tích 20.405,81m<sup>2</sup>; là đất dân cư hiện trạng ổn định; mật độ xây dựng tối đa 80%; chiều cao xây dựng tối đa 15,0m (tương đương 04 tầng). Các công trình xây mới hoặc cải tạo các công trình cũ đã xây dựng, phải tuân thủ các chỉ tiêu sử dụng đất theo quy hoạch được duyệt.

- Đất ở liền kề: Gồm 30 lô đất (ký hiệu từ LK01 đến LK30), tổng diện tích 44.870,58m<sup>2</sup>; số lượng 403 thửa đất; mục đích xây dựng nhà ở liền kề đô thị.

+ Mật độ xây dựng: Tối đa từ 71% đến 80% đối với thửa đất diện tích từ 100,0m<sup>2</sup> đến 200,0m<sup>2</sup>.

+ Chiều cao tối đa 15,0m (tương đương 04 tầng).

- Đất ở biệt thự: Gồm 04 lô đất (ký hiệu BT01 đến BT04), tổng diện tích 8.552,71m<sup>2</sup>; số lượng 22 thửa đất; mục đích xây dựng nhà ở biệt thự.

+ Mật độ xây dựng: Tối đa từ 50% đến 59% đối với thửa đất diện tích từ 327,0m<sup>2</sup> đến 500,0m<sup>2</sup>.

+ Chiều cao tối đa 12,5m (tương đương 03 tầng).

đ) *Đất cây xanh cảnh quan*: Gồm 03 lô đất (ký hiệu CX01 đến CX03), tổng diện tích 4.066,08m<sup>2</sup>; mục đích làm công viên cây xanh tạo không gian sống phục vụ người dân trong khu vực.

e) *Đất giao thông và hạ tầng kỹ thuật*: Diện tích bao gồm bãi đỗ xe, đất ga rác, đất giao thông và đất hạ tầng kỹ thuật là 76.959,66m<sup>2</sup>, gồm:

- Đất bãi đỗ xe (ký hiệu BĐX), diện tích 5.692,02m<sup>2</sup>.

- Đất ga rác (ký hiệu GR), diện tích 100,0m<sup>2</sup>.

- Đất hạ tầng kỹ thuật (ký hiệu HTKT), diện tích 521,31m<sup>2</sup>.

- Đất giao thông, vỉa hè và hạ tầng kỹ thuật khác, tổng diện tích 70.646,33m<sup>2</sup>.

f) *Bảng thống kê sử dụng đất*:

STT	Loại đất	Ký hiệu	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Mật độ XD tối đa (%)	Chiều cao tối đa (m)	Số lượng (thửa)	Tỷ lệ (%)
<b>I</b>	<b>Đất công cộng</b>		<b>6.779,29</b>				<b>3,62</b>
1.1	<i>Đất Nhà Văn hóa - Thể dục thể thao</i>	VH-TDĐT	6.779,29	40	9		3,62
<b>II</b>	<b>Đất giáo dục</b>		<b>6.784,86</b>				<b>3,63</b>
1.1	<i>Đất trường mầm non</i>	GD	6.784,86	40	12,5		3,63
<b>III</b>	<b>Đất hỗn hợp nhiều chức năng</b>		<b>18.698,90</b>				<b>9,99</b>
1	<i>Đất hỗn hợp</i>	HH	18.698,90	46	40		9,99
<b>IV</b>	<b>Đất ở</b>		<b>73.829,10</b>				<b>39,46</b>
1	Đất ở hiện trạng		20.405,81				10,91
1.1		HT01	6.842,42	80	15		3,66
1.2		HT02	4.879,52	80	15		2,61
1.3		HT03	3.630,88	80	15		1,94
1.4		HT04	5.052,99	80	15		2,70
2	Đất ở liền kề		44.870,58			403	23,98
2.1		LK01	1.237,04	72-80	15	11	0,66
2.2		LK02	1.235,17	72-80	15	11	0,66
2.3		LK03	1.536,28	74-80	15	14	0,82
2.4		LK04	1.087,39	76-80	15	10	0,58
2.5		LK05	1.208,00	75-80	15	11	0,65
2.6		LK06	1.208,00	75-80	15	11	0,65
2.7		LK07	1.208,00	75-80	15	11	0,65
2.8		LK08	1.208,00	75-80	15	11	0,65
2.9		LK09	1.586,81	73-80	15	14	0,85
2.10		LK10	1.586,81	73-80	15	14	0,85
2.11		LK11	1.141,09	71-80	15	10	0,61
2.12		LK12	1.181,04	78-80	15	11	0,63

2.13		LK13	1.420,19	78-80	15	14	0,76
2.14		LK14	1.420,19	78-80	15	14	0,76
2.15		LK15	1.420,12	78-80	15	14	0,76
2.16		LK16	1.419,98	78-80	15	14	0,76
2.17		LK17	1.220,19	78-80	15	12	0,65
2.18		LK18	1.220,19	78-80	15	12	0,65
2.19		LK19	1.219,74	78-80	15	12	0,65
2.20		LK20	1.219,59	78-80	15	12	0,65
2.21		LK21	1.420,19	78-80	15	14	0,76
2.22		LK22	1.420,19	78-80	15	14	0,76
2.23		LK23	1.419,35	78-80	15	14	0,76
2.24		LK24	1.419,20	78-80	15	14	0,76
2.25		LK25	2.296,24	76-79	15	20	1,23
2.26		LK26	3.297,87	77	15	25	1,76
2.27		LK27	1.908,12	71-77	15	14	1,02
2.28		LK28	2.089,92	77-80	15	16	1,12
2.29		LK29	2.008,53	74-80	15	14	1,07
2.30		LK30	1.607,15	77-80	15	15	0,86
3	Đất ở biệt thự		8.552,71			22	4,57
3.1		BT01	1.762,43	58	12,5	5	0,94
3.2		BT02	2.173,84	50-56	12,5	5	1,16
3.3		BT03	1.986,39	50-59	12,5	5	1,06
3.4		BT04	2.630,05	53-58	12,5	7	1,41
<b>V</b>	<b>Đất cây xanh cảnh quan</b>		<b>4.066,08</b>				<b>2,17</b>
1	Đất cây xanh 1	CX01	935,18				0,50
2	Đất cây xanh 2	CX02	1.290,00				0,69
3	Đất cây xanh 3	CX03	1.840,90				0,98
<b>VI</b>	<b>Đất giao thông và hạ tầng kỹ thuật</b>		<b>76.959,66</b>				<b>41,13</b>
1	Đất bãi đỗ xe	BĐX	5.692,02				3,04
2	Đất ga rác	GR	100,00				0,05
3	Đất hạ tầng kỹ thuật	HTKT	521,31				0,28
4	Đất giao thông, vỉa hè, hạ tầng kỹ thuật khác		70.646,33				37,75
<b>VII</b>	<b>Tổng diện tích lập quy hoạch</b>		<b>187.117,89</b>				<b>100</b>

## 5. Tổ chức mạng lưới hạ tầng kỹ thuật

a) Quy hoạch giao thông:

a1. Giải pháp thiết kế:

- Giao thông đối ngoại:

+ Tuyến đường Hùng Vương (tỉnh lộ 156B) nằm bên ngoài giáp với ranh giới quy hoạch, nối từ thành phố Lào Cai đi qua trung tâm huyện Bát Xát. Quy mô mặt cắt ngang của tuyến đường như sau: Đoạn từ đường T4 đến đường T9 có chiều dài  $L = 405,67\text{m}$ , quy mô  $B_{\text{mặt}} = 10,50\text{m}$ ;  $B_{\text{vía hè}} = 2 \times 3,0\text{m}$ ;  $B_{\text{nền}} = 16,5\text{m}$ ; Đoạn từ đường T4 đến đường D10 có chiều dài  $L = 61,73\text{m}$ , quy mô  $B_{\text{mặt}} = 10,50\text{m}$ ;  $B_{\text{vía hè}} = 3,0\text{m} + 5,0\text{m}$ ;  $B_{\text{nền}} = 18,50\text{m}$ ;

+ Tuyến đường Hoàng Liên: có chiều dài  $L = 575,18\text{m}$ , quy mô  $B_{\text{mặt}} = 6,0\text{m}$ ;  $B_{\text{via hè}} = 2 \times 3,0\text{m}$ ;  $B_{\text{nền}} = 12,0\text{m}$ ;

+ Tuyến đường D9: có chiều dài  $L = 208,57\text{m}$ , quy mô  $B_{\text{mặt}} = 6,0\text{m}$ ;  $B_{\text{via hè}} = 3,0\text{m} + 5,0\text{m}$ ;  $B_{\text{nền}} = 14,0\text{m}$ .

+ Tuyến đường D10: có chiều dài  $L = 116,18\text{m}$ , quy mô  $B_{\text{mặt}} = 10,5\text{m}$ ;  $B_{\text{via hè}} = 3,0\text{m} + 5,0\text{m}$ ;  $B_{\text{nền}} = 18,5\text{m}$ .

- Giao thông đối nội: Các tuyến đường giao thông trong ranh giới khu quy hoạch có quy mô như sau:

+ Các tuyến đường thiết kế mới trong đồ án quy hoạch bao gồm tuyến đường T1, T3, T5, T6, T8 và T9 có cùng quy mô:  $B_{\text{mặt}} = 7,5\text{m}$ ;  $B_{\text{via hè}} = 2 \times 4,5\text{m}$ ;  $B_{\text{nền}} = 16,5\text{m}$ .

+ Các tuyến đường thiết kế mới trong đồ án quy hoạch bao gồm đường T2, T4 và T7 có cùng quy mô:  $B_{\text{mặt}} = 10,5\text{m}$ ;  $B_{\text{via hè}} = 2 \times 4,5\text{m}$ ;  $B_{\text{nền}} = 19,5\text{m}$ .

a2. Chỉ giới đường đỏ và chỉ giới xây dựng:

- Chỉ giới đường đỏ: Tuân thủ theo quy mô bề rộng lộ giới đã được xác định trong quy hoạch, được xác định cụ thể theo mặt cắt ngang đường, ranh giới khu đất và thể hiện trong bản đồ quy hoạch giao thông.

- Chỉ giới xây dựng:

+ Đối với đất ở hiện trạng (ký hiệu từ HT01 đến HT04) lùi  $\geq 0,9\text{m}$  so với chỉ giới đường đỏ phía giáp đường giao thông chính;

+ Đối với đất ở liền kề (ký hiệu từ LK01 đến LK30), lùi  $\geq 0,9\text{m}$  so với chỉ giới đường đỏ phía giáp đường giao thông chính;

+ Đối với đất ở biệt thự (ký hiệu từ BT01 đến BT04), lùi  $\geq 3,0\text{m}$  so với chỉ giới đường đỏ phía giáp đường giao thông chính; lùi  $\geq 2,0\text{m}$  so với các cạnh còn lại của lô đất;

+ Đối với đất công cộng (ký hiệu VH-TDĐT) lùi  $\geq 5,0\text{m}$  so với chỉ giới đường đỏ phía giáp đường giao thông chính; lùi  $\geq 3,0\text{m}$  so với các cạnh còn lại của lô đất;

+ Đối với đất giáo dục (ký hiệu GD) lùi  $\geq 5,0\text{m}$  so với chỉ giới đường đỏ phía giáp đường giao thông chính; lùi  $\geq 3,0\text{m}$  so với các cạnh còn lại của lô đất;

+ Đối với đất hỗn hợp (ký hiệu HH) lùi  $\geq 5,0\text{m}$  so với chỉ giới đường đỏ phía giáp đường giao thông.

b) Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật:

b1. San nền:

- Đối với các mặt bằng đất ở liền kề, đất ở biệt thự được xác định cốt nền cao hơn  $15\text{cm}$  so với cao độ mép vỉa hè của các tuyến đường.

- Đối với các mặt bằng cây xanh (gồm cây xanh - TDĐT, cây xanh - công viên) đô thị cao độ thiết kế san nền san bằng với mép vỉa hè của các tuyến đường.

- Đối với các mặt bằng đất bãi bỏ xe, đất văn hóa, đất giáo dục, đất hỗn hợp được san nền theo cốt trung bình đảm bảo không gây ngập úng cho mặt bằng.

- Đối với các khu đất ở hiện trạng, giữ nguyên cốt hiện trạng không san gạt mặt bằng.

- Tại các vị trí đắp mặt bằng được san lấp theo tiêu chuẩn từng lớp. Phần nền đường giao thông đắp đầm chặt  $K=0,95$ .

#### b2. Thoát nước mặt:

- Xây dựng hệ thống thoát nước hoàn chỉnh đầy đủ và đồng bộ cho toàn khu quy hoạch.

- Xây dựng hố ga tại vị trí đất hạ tầng kỹ thuật (ký hiệu HTKT) thu gom toàn bộ nước từ cống tròn D100 (cm) và cống bản qua đường từ các lưu vực thượng lưu và thoát ra bằng cống tròn D200 (cm) chạy dọc đường T4, T2 và chạy dọc tuyến đường theo quy hoạch chung về trạm xử lý nước thải. Giai đoạn khi chưa xây dựng trạm xử lý thì đầu nối vào mương hở hiện trạng.

- Dọc các tuyến đường bố trí hệ thống cống tròn D75, D100 để thu nước mưa sau đó chảy vào tuyến cống lưu vực.

- Hệ thống cống được đặt trong hệ thống vỉa hè, độ dốc của rãnh bằng với độ dốc của tuyến đường. Bố trí ga thu nước mặt với khoảng cách các hố từ 35-40m/hố.

- Tại các vị trí thiết kế cống hộp qua đường thiết kế cống chịu lực đảm bảo đúng theo yêu cầu và tiêu chuẩn thiết kế. Các hố ga thiết kế kích thước tùy thuộc theo loại cống đảm bảo cho phù hợp.

#### c) Quy hoạch cấp nước:

- Tổng nhu cầu khoảng  $Q = 540\text{m}^3/\text{ngđ}$ .

- Nguồn nước: Nguồn nước cấp cho khu đô thị được lấy từ đường ống HDPE D90 hiện có nằm trên đường Hùng Vương (tỉnh lộ 156B). Nước được cấp từ nhà máy cấp nước thị trấn Bát Xát.

- Tổ chức mạng lưới đường ống:

+ Mạng lưới đường ống được thiết kế theo kiểu mạng vòng.

+ Mạng đường ống phân phối với đường kính ống là D110, từ đường ống phân phối phân nhánh ra đường ống dịch vụ có đường kính ống D50-D63 cấp đến chân công trình. Mạng ống cấp được không chế bởi các tê, cút, van khóa.

- Ống cấp nước sử dụng ống nhựa HDPE, áp lực làm việc  $PN = 10$  bar. Đường ống thiết kế đặt trên hè chôn sâu tối thiểu  $0,5\text{m} \div 0,8\text{m}$  tính từ tim ống. Các ống cấp nước được đặt trên hè, những đoạn qua đường, tùy thuộc vào chiều sâu sẽ được đặt trong ống lồng bảo vệ. Đường kính ống lồng lớn hơn các ống tương ứng hai cấp tùy trường hợp thực tế. Dưới các phụ kiện van, tê, cút của tuyến ống chính cần đặt các gối đỡ bê tông.

- Hệ thống cấp nước cứu hỏa:

+ Đường ống cứu hỏa sử dụng chung cùng với đường ống cấp nước sinh hoạt với đường kính ống HDPE D110.

+ Hệ thống cấp nước cứu hỏa được thiết kế là hệ thống cấp nước cứu hỏa áp lực thấp, áp lực nước tối thiểu tại trụ cứu hỏa là 10m cột nước. Việc chữa cháy sẽ do xe cứu hỏa của đội chữa cháy thực hiện. Nước cấp cho xe cứu hỏa được lấy từ các trụ cứu hỏa dọc đường. Các trụ cứu hỏa kiểu nổi theo tiêu chuẩn TCVN 6379:1998.

+ Trên các trục đường ống cấp nước bố trí các họng cứu hỏa. Các họng cứu hỏa được đầu nối vào mạng lưới đường ống cấp nước được bố trí gần ngã ba, ngã tư hoặc trục đường lớn thuận lợi cho công tác phòng cháy, chữa cháy. Khoảng cách giữa các họng cứu hỏa trên mạng lưới từ 100m -150m.

*d) Quy hoạch cấp điện và chiếu sáng công cộng:*

d1. Nguồn điện:

- Theo quy hoạch điện lực Lào Cai giai đoạn 2016-2025 có xét đến năm 2035, xây dựng tại khu vực Kim Thành trạm biến áp 2x40MVA-110/35/22kV Lào Cai 2.

- Giai đoạn đầu nguồn cấp điện cho khu quy hoạch lấy từ đường dây 35kV lộ 374 sau trạm 110kV Lào Cai 1, chạy qua khu quy hoạch.

- Giai đoạn sau, khi trạm 110kV Lào Cai 2 đầu tư xây dựng các xuất tuyến 22kV cấp điện khu vực thị trấn Bát Xát sẽ chuyển sang sử dụng nguồn từ đường dây 22kV.

d2 Trạm biến áp:

- Theo tính toán nhu cầu sử dụng điện của khu quy hoạch là 2427kVA, dự kiến xây dựng mới 04 trạm biến áp 630kVA-35(22)/0,4kV cấp điện toàn bộ khu quy hoạch. Trong đó, 03 trạm cấp điện sinh hoạt và 01 trạm cấp điện khu đất hỗn hợp.

- Các trạm biến áp đều sử dụng loại trạm Kiosk hợp bộ gồm 3 ngăn riêng biệt (ngăn trung thế, ngăn máy biến áp và ngăn hạ thế) hoặc trạm compact 1 cột để đảm bảo mỹ quan khu quy hoạch. Máy biến áp sử dụng loại có 2 cấp điện áp trung thế 35kV và 22kV để không phải thay máy khi chuyển sang sử dụng nguồn từ lưới 22kV.

- Các khu đất dịch vụ, công cộng, hỗn hợp có nhu cầu sử dụng điện lớn (>100kVA) sẽ yêu cầu xây dựng trạm biến áp riêng. Vị trí, công suất trạm tùy theo quy mô xây dựng công trình, sẽ được làm rõ ở bước lập dự án.

- Di chuyển 01 trạm biến áp hiện trạng 560kVA-35/0,4kV nằm vào vị trí lòng đường giao thông quy hoạch.

d3. Lưới điện:

- Lưới điện trung thế:

+ Di chuyển, hạ ngầm đoạn tuyến đường dây 35kV qua khu quy hoạch.

+ Xây dựng mới các tuyến đường dây ngầm 35kV cấp điện từ đường dây hiện trạng tới các trạm biến áp xây mới trong khu quy hoạch.

+ Các tuyến đường dây 35kV sử dụng cáp ngầm chống thấm tiết diện mặt cắt lõi  $\geq 240\text{mm}^2$ .

- Lưới điện hạ thế: Xây dựng mới tuyến đường dây ngầm hạ thế 0,4kV cấp điện tới từng khu chức năng trong khu quy hoạch. Sử dụng cáp ngầm chống thấm theo quy định ngành điện.

- Lưới điện chiếu sáng: Xây dựng các tuyến đường dây chiếu sáng ngầm dọc các tuyến đường giao thông, sử dụng cột thép lắp bộ đèn LED; với tuyến đường có mặt cắt lòng đường  $\leq 10,5\text{m}$  chiếu sáng một bên đường, với tuyến đường có mặt cắt lòng đường  $\geq 10,5\text{m}$  chiếu sáng hai bên đường.

*e) Quy hoạch thông tin liên lạc:*

Xây dựng hệ thống thông tin phù hợp với quy mô và nhu cầu của khu quy hoạch, cho phép cung cấp dịch vụ đến mọi khu vực của dự án. Mạng thông tin của khu đô thị dự trên cơ sở truyền dẫn băng thông rộng với tính năng mở rộng và nâng cấp dễ dàng, hỗ trợ các kiểu truy nhập và các kết nối chuẩn với mạng của nhà cung cấp dịch vụ thông tin.

*f) Quy hoạch thoát nước thải và vệ sinh môi trường:*

f1. Thoát nước thải:

- Sử dụng hệ thống thoát nước chung, nước thải tại các công trình công cộng, phúc lợi xã hội, dân cư yêu cầu xử lý cục bộ đạt tiêu chuẩn theo quy định trước khi thải ra hệ thống thoát nước chung.

- Tận dụng tối đa địa hình trong quá trình vạch mạng lưới thoát nước đảm bảo thoát nước triệt để trên nguyên tắc tự chảy theo độ dốc của đường.

- Tổng lưu lượng nước thải dự kiến là  $317\text{ m}^3/\text{ngđ}$ .

- Giải pháp thoát nước: Sử dụng cống tròn D200-D315 nước thải được thu gom trước và sau 2 lần dân cư, từ hệ thống cống thoát nước nhánh dẫn ra cống thoát nước chính D400 trên đường T9 thoát ra mương thoát nước hiện trạng.

f2. Vệ sinh môi trường:

- Quy hoạch 01 điểm tập kết rác thải cho khu quy hoạch.

- Rác thải được thu gom về các thùng đựng rác thích hợp tại các khu đất, tầng tòa nhà, khu công viên cây xanh, sau đó công ty môi trường đô thị sẽ thu gom rác thải và vận chuyển đến điểm ga rác thải, chuyển lên xe cơ giới đưa đến khu xử lý rác thải của thị trấn Bát Xát (nằm ngoài ranh giới).

f3. Nghĩa trang, nghĩa địa:

Khu vực không bố trí nghĩa trang, các nhu cầu chôn cất của nhân dân trong phạm vi khu quy hoạch quy tập về nghĩa trang nhân dân của thị trấn Bát Xát (nằm ngoài ranh giới quy hoạch).



## 6. Đánh giá tác động môi trường chiến lược

Trong đồ án thực hiện đánh giá tác động môi trường chiến lược ĐMC. Trong bước lập dự án tiếp tục đánh giá tác động môi trường ĐTM theo quy định.

**Điều 2.** Trên cơ sở quy hoạch được duyệt, UBND huyện Bát Xát và Thủ trưởng cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm:

1. Công bố công khai quy hoạch cho tổ chức, cá nhân liên quan trên địa bàn biết và thực hiện quy hoạch.
2. Tổ chức cắm mốc giới theo quy hoạch ngoài thực địa. Giao UBND huyện Bát Xát và cơ quan có thẩm quyền quản lý mốc giới theo quy định.
3. Thực hiện đầu tư các hạng mục theo đúng quy hoạch được duyệt.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, ngành: Giao thông vận tải - Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Bát Xát, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- TT UBND tỉnh;
- Như điều 3 QĐ;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Lưu: VT, TNMT, QLĐT3.

*Trần*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Trịnh Xuân Trường**